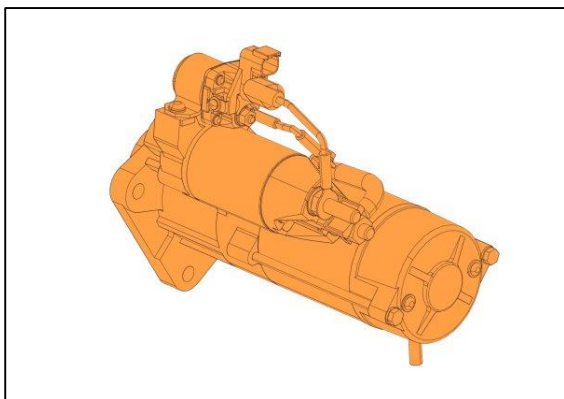




UD TRUCKS

## Máy khởi động, thông số kỹ thuật Máy khởi động MELCO

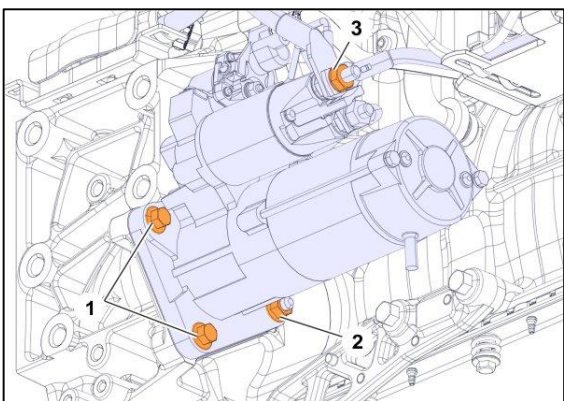


| Thông số kỹ thuật                       |                                               |                                               |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                                         | 24STR5.0                                      | 24STR5.5                                      |
| Loại máy khởi động                      | 85P50                                         | 90P55                                         |
| Điện áp hệ thống                        | 24 V                                          | 24 V                                          |
| Công suất đầu ra                        | 5.0 kW                                        | 5.5 kW                                        |
| Cực tính                                | Cực âm nối đất                                | Cực âm nối đất                                |
| Hệ thống ăn khớp                        | Hệ thống xoay phụ trợ                         | Hệ thống xoay phụ trợ                         |
| Thời gian định mức                      | 30 s                                          | 30 s                                          |
| Chiều quay                              | Theo chiều kim đồng hồ (nhìn từ đầu dẫn động) | Theo chiều kim đồng hồ (nhìn từ đầu dẫn động) |
| Phạm vi nhiệt độ hoạt động của hệ thống | -30 – 120 °C                                  | -30 – 120 °C                                  |
| Mô men khoá                             | 88.26 Nm                                      | 76.49 Nm                                      |
| Khối lượng                              | 7.6 kg                                        | 9 kg                                          |

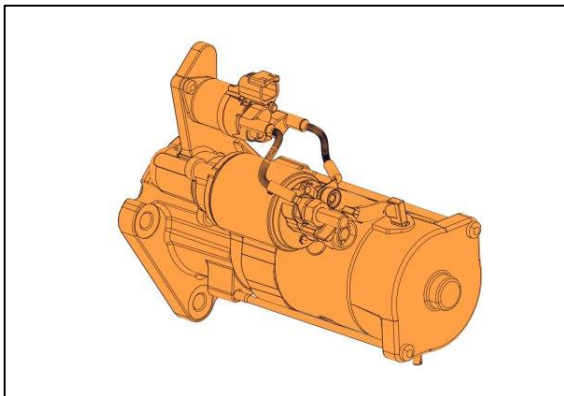
## Bánh răng khởi động

| Thông số kỹ thuật            |                |                                       |
|------------------------------|----------------|---------------------------------------|
|                              | 24STR5.0       | 24STR5.5                              |
| Số răng                      | 10             | 12                                    |
| Mô đun                       | 3.175 mm       | 3.175 mm                              |
| Góc áp lực                   | 20°            | 20°                                   |
| Đường kính trong             | 31.75 mm       | 38.1 mm                               |
| Đường kính ngoài             | 39.5 ±0.2 mm   | 47.2 <sup>+0</sup> <sub>-0.2</sub> mm |
| Đường kính vòng chân         | 28.1 ±0.2 mm   | 33.97 ±0.2 mm                         |
| Sự dịch chuyển trên hai răng | 15.43 ±0.05 mm | 15.9 ±0.05 mm                         |

## Máy khởi động, lực siết



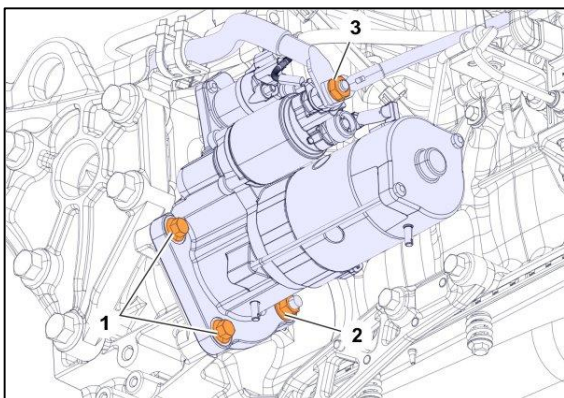
|                               |            |
|-------------------------------|------------|
| 1. Máy khởi động, vít         | 48 ±8 Nm   |
| 2. Máy khởi động, đai ốc      | 48 ±8 Nm   |
| 3. Máy khởi động, cực, đai ốc | 18 ±3.6 Nm |

**Máy khởi động SEG**

| <b>Thông số kỹ thuật</b>                |                                               |
|-----------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Loại máy khởi động                      | HXF88                                         |
| Điện áp hệ thống                        | 24 V                                          |
| Cực tính                                | Cực âm nối đất                                |
| Hệ thống ăn khớp                        | Hệ thống xoay phụ trợ                         |
| Chiều quay                              | Theo chiều kim đồng hồ (nhìn từ đầu dẫn động) |
| Phạm vi nhiệt độ hoạt động của hệ thống | -30 – 120 °C                                  |
| Mô men khoá                             | 125 Nm                                        |
| Tỉ số truyền bánh răng bên trong        | 4.15                                          |
| Khối lượng                              | 7.7 kg                                        |

**Bánh răng khởi động, tổng quan**

| <b>Thông số kỹ thuật</b>     |          |
|------------------------------|----------|
| Số răng                      | 10       |
| Mô đun                       | 3.175 mm |
| Góc áp lực                   | 20°      |
| Đường kính trong             | 31 mm    |
| Đường kính ngoài             | 40.55 mm |
| Đường kính vòng chân         | 28.2 mm  |
| Sự dịch chuyển trên hai răng | 24.72 mm |

**Máy khởi động, lực siết**

|                               |          |
|-------------------------------|----------|
| 1. Máy khởi động, vít         | 48 ±8 Nm |
| 2. Máy khởi động, đai ốc      | 48 ±8 Nm |
| 3. Máy khởi động, cực, đai ốc | 25 ±3 Nm |